

<p><b>11. Kinh Kevaddha (Kiên Cố)</b></p>	<p><b>11. About Kevaddha - What Brahma Didn't Know (Kevaddha Sutta)</b></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: <b>TT. Thích Nhật Từ</b>)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: <b>Maurice Walshe</b>)</p>
<p><b>11. Kinh Kevaddha (Kiên cố)</b> (P. <i>Kevaddha Sutta</i>, H. 堅固經) tương đương bài kinh cùng tên trong bộ <i>Trường A-hàm</i>.<sup>8</sup> Thấy sự nguy hiểm và mặt trái của việc biểu diễn các thần thông biến hóa, đức Phật đề cao “giáo hóa thần thông” tức “giáo dục là phép màu” chuyên hóa khổ đau bằng cách giáo dục đạo đức và thiền định để chấm dứt năm trói buộc tâm, trải nghiệm tâm thơ thới, hoan hỷ, khinh an, lạc thọ, định tĩnh. Đồng thời, đức Phật khẳng định Thượng đế không có thật, nếu có thì Thượng đế không phải là Đấng Toàn trí, Toàn năng và Toàn bi.</p>	<p><b>11. Kevaddha Sutta: About Kevaddha (What Brahma Didn't Know).</b> Kevaddha urges the Buddha to perform miracles to strengthen people's faith. The Buddha refuses, saying the only kind of miracle he approves of is the 'miracle of instruction'. He tells the story of the monk who wanted to know 'where the four great elements cease without remainder'. By psychic power he ascended into the heavens, but none there could tell him — not even the Great Brahma, who referred him back to the Buddha for an answer.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: <b>HT. Thích Minh Châu</b></p>	<p>English Translation from Pāli: <b>Maurice Walshe</b></p>
<p>1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Nālandā trong vườn Pāvārika.</p> <p>Lúc bấy giờ cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn:</p> <p>- Bạch Thế Tôn, Nālandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo thị hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa.</p> <p>Nhờ vậy Nālandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa.</p>	<p>[211] 1. THUS HAVE I HEARD. Once the Lord was staying at Nālandā, in Pāvārika's mango grove.</p> <p>And the householder Kevaddha<sup>230</sup> came to the Lord, prostrated himself before him, and sat down to one side. He then said:</p> <p>'Lord, this Nālandā is rich, prosperous, populous, and full of people who have faith in the Lord. It would be well if the Lord were to cause some monk to perform superhuman feats and miracles.</p> <p>In this way Nālandā would come to have even more faith in the Lord.'</p>

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha:

- Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: "Này các Tỷ-kheo các Người hãy thị hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng".

2. Lần thứ hai, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn. Con chỉ nói: "Bạch Thế Tôn, Nālandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo thị hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa.

Nhờ vậy Nālandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa".

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha:

- Này Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: "Này các Tỷ-kheo, các Người hãy thị hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng".

3. Lần thứ ba, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn. Con chỉ nói: "Bạch Thế Tôn, Nālandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo thị hiện thượng nhân pháp, thần thông biến hóa.

Nhờ vậy Nālandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa".

The Lord replied: 'Kevaddha, this is not the way I teach Dhamma to the monks, by saying:

"Go, monks, and perform superhuman feats and miracles for the white-clothed lay-people! '

2. For a second time Kevaddha said:

'Lord, I would not be importunate, but I still say: "This Nālandā is rich, prosperous ... [212] and would come to have even more faith in the Lord.'"

And the Lord replied as before.

3. When Kevaddha repeated his request for a third time, the Lord said:

- Nay Kevaddha, có ba pháp thần thông này Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết. Thế nào là ba? Tức là biến hóa thần thông, tha tâm thần thông, giáo hóa thần thông.

4. Nay Kevaddha, thế nào là biến hóa thần thông?

Nay Kevaddha, ở đời có Tỷ-kheo chứng được các thần thông: một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân;

hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trời lên, ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước không chìm như đi trên đất liền;

ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim; với hai bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng; những vật có đại oai thần lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Có người tín thành thấy Tỷ-kheo ấy chứng hiện các thần thông: một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân: hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ trời lên, ngang qua đất liền như ở trong nước,

đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng; những vật có đại oai thần lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

5. Người có lòng tín thành ấy nói với một người không có

‘Kevaddha, there are three kinds of miracle that I have declared, having realised them by my own insight. Which three?’

The miracle of psychic power,<sup>231</sup>  
the miracle of telepathy,<sup>232</sup>  
the miracle of instruction.<sup>233</sup>

4. ‘What is the miracle of psychic power?’

Here, Kevaddha, a monk displays various psychic powers in different ways. Being one he becomes many, being many he becomes one... (as *Sutta 2, verse 87*) [213]

and he travels in the body as far as the Brahma world.

Then someone who has faith and trust sees him doing these things.

5. ‘He tells this to someone else who is sceptical and

lòng tín thành: "Này Tôn giả, thật vi diệu thay! Này Tôn giả, thật hy hữu thay, đại thần thông, đại oai đức của vị Sa-môn! Chính tôi đã thấy vị Tỷ-kheo chứng các thần thông, "một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân,... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên".

Người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành: "Này Tôn giả, có một chú thuật gọi là Gandhāra. Nhờ chú thuật hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên".

Này Kevaddha, người nghĩ thế nào? Người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành như vậy không?

- Bạch Thế Tôn, có thể nói như vậy.

- Này Kevaddha chính vì ta thấy sự nguy hiểm trong sự biến hóa thần thông mà ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ biến hóa thần thông.

6. Này Kevaddha, thế nào là tha tâm thần thông?

Này Kevaddha, ở đời có Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: "Như vậy là ý của Người".

Có người có lòng tín thành thấy Tỷ-kheo nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác: "Như vậy là ý của Người, thế này là ý của Người, như vậy là tâm của Người".

7. Người có lòng tín thành ấy nói với một người không có lòng tín thành: "Này Tôn giả, thật vi diệu thay! Này Tôn giả, thật hy hữu thay đại thần thông, đại oai đức của vị Sa-môn! Chính tôi đã thấy Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình

unbelieving, saying: "It is wonderful, sir, it is marvellous, the great power and skill of that ascetic ..."

And that man might say: "Sir, there is something called the Gandhāra charm.<sup>234</sup> It is by means of this that that monk becomes many..."

What do you think, Kevaddha, would not a sceptic say that to a believer?

'He would, Lord.'

'And that is why, Kevaddha, seeing the danger of such miracles, I dislike, reject and despise them.

6. 'And what is the miracle of telepathy?

Here, a monk reads the minds of other beings, of other people, reads their mental states, their thoughts and ponderings, and says: "That is how your mind is, that is how it inclines, that is in your heart."

Then someone who has faith and trust sees him doing these things.

7. 'He tells this to someone else who is sceptical and unbelieving, saying: "It is [214] wonderful, sir, it is marvellous, the great power and skill of that ascetic ..."

And that man might say: "Sir, there is something called the Maṇikā charm.<sup>235</sup> It is by means of this that that monk

khác, của các người khác: "Như vậy là ý của người, thế này là ý của người, như vậy là tâm của người".

Người không có lòng tin thành có thể nói với người có lòng tin thành: "Này Tôn giả, có một chú thuật gọi là Maṇikā, nhờ chú thuật này, Tỷ-kheo nói lên tâm, nói lên tâm sở, nói lên sự suy tầm, và nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác..."

"Thế này là ý của Người, như vậy là tâm của Người".  
Này Kevaddha, Người nghĩ thế nào? Người không có lòng tin thành có thể nói với Người có lòng tin thành như vậy không?

- Bạch Thế Tôn, có thể nói như vậy?

- Này Kevaddha chính Ta thấy sự nguy hiểm trong sự tha tâm thần thông mà Ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ tha tâm thần thông.

8. Này Kevaddha, thế nào là giáo hóa thần thông?

Ở đời có Tỷ-kheo giáo hóa như sau: "Hãy suy tư như thế này, chớ có suy tư như thế kia; hãy tác ý như thế này, chớ có tác ý như thế kia; hãy trừ bỏ điều này, hãy chứng đạt và an trú điều kia".

Này Kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thần thông.

9. Này Kevaddha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán Chánh Biến Tri...

can read the minds of others ..."

And that is why, seeing the danger of such miracles, I... despise them.

8. 'And what is the miracle of instruction?

Here, Kevaddha, a monk gives instruction as follows: "Consider in this way, don't consider in that, direct your mind this way, not that way, give up that, gain this and persevere in it."

That, Kevaddha, is called the miracle of instruction.

9 — 66. 'Again, Kevaddha, a Tathāgata arises in the world, an Arahant, fully-enlightened Buddha, endowed with wisdom and conduct, Well-Farer, Knower of the worlds, incomparable Trainer of men to be tamed, Teacher of gods and humans, enlightened and blessed.

He, having realised it by his own super-knowledge,

(đoạn kinh 9-43 tương tự như kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 40 - 74).

44. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Vị Tỷ-kheo, ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh với tầm với tứ.

Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

45. Nay Kevaddha, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt.

Cũng vậy, nay Kevaddha, Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Nay Kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thân thông.

50.... chứng và trú thiên thứ tư... (như kinh Sa-môn quả,

proclaims this world with its devas, māras and Brahmās, its princes and people.

He preaches the Dhamma which is lovely in its beginning, lovely in its middle, lovely in its ending, in the spirit and in the letter, and displays the fully-perfected and purified holy life.

A disciple goes forth and practises the moralities (Sutta 2, verses 41 — 63).

He guards the sense-doors and attains the four jhānas



đoạn kinh số 77 - 81, trừ câu kết sau chót mỗi chương).  
Này Kevaddha như vậy gọi là giáo hóa thần thông.

52. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ xử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến... (như kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 83)...

Này Kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thần thông.

53.... sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa... (xem kinh Sa-môn quả, đoạn kinh số 84 - 98), trừ câu kết sau chót của mỗi chương).

Này Kevaddha, như vậy là giáo hóa thần thông.

67. Này Kevaddha, ba pháp thần thông này, Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết.

Này Kevaddha thuở xưa, chính một Tỷ-kheo có khởi nghi vấn như sau: "Trong Tỷ-kheo chúng này - địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy nhập định, và trong định tâm, con đường đưa đến Thiên giới hiện ra.

68. Này Kevaddha, lúc bấy giờ vị Tỷ-kheo ấy đi đến Bốn Thiên vương thiên, khi đến xong, liền nói với các vị Bốn Thiên vương thiên: "Này các Hiền giả, bốn đại chúng này: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?".

Này Kevaddha, được nghe nói vậy Bốn Thiên vương thiên nói với vị Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chúng ấy - địa đại, thủy đại, hỏa đại,

(Sutta 2, verses 64 — 82);

he attains various insights (Sutta 2, verses 83-84);

he realises the Four Noble Truths, the path and the cessation of the corruptions (Sutta 2, verses 85-97),<sup>236</sup> and he knows: "...There is nothing further here."

That, Kevaddha, is called the miracle of instruction.

67. 'And I, Kevaddha, have experienced these three miracles by my own super-knowledge.

Once, Kevaddha, in this order of monks the thought occurred to a certain monk: "I wonder where the four great elements — the earth element, the water element, the fire element, the air element — cease without remainder."

And that monk attained to such a state of mental concentration that the way to the deva-realms appeared before him.

68. 'Then, coming to the Realm of the devas of the Four Great Kings,<sup>237</sup> he asked those devas: "Friends, where do the four great elements -- earth, water, fire and air — cease without remainder?"

At this question the devas of the Four Great Kings [216] said to him: "Monk, we don't know where the four great elements cease without remainder.

phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn".

Này Tỳ-kheo, có bốn Đại vương ưu thế hơn và thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.

69. Này Kevaddha, vị Tỳ-kheo đi đến bốn vị Đại vương, khi đến xong liền hỏi bốn vị Đại Thiên vương: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?".

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, cả bốn vị Đại vương nói với vị Tỳ-kheo ấy: "Này Tỳ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này vị Tỳ-kheo, có Ba mươi ba thiên ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn".

70. Này Kevaddha, vị Tỳ-kheo ấy đi đến các vị Ba mươi ba thiên, khi đến xong, liền hỏi các vị Ba mươi ba thiên, "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?".

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, các vị Ba mươi ba thiên nói với vị Tỳ-kheo ấy: "Này Tỳ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại ... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỳ-kheo, có vị Đế-thích chư thiên tên là Sakka ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn."

But the Four Great Kings are loftier and wiser than we are. They may know where the four great elements cease ... ”

69. 'So that monk went to the Four Great Kings and asked the same question, but they replied:

“We don't know, but the Thirty-Three Gods may know...”

70. 'So that monk went to the Thirty-Three Gods, who said:

“We don't know, but Sakka, lord of the gods, may know...”  
[217]



71. Này Kevaddha, Tỳ-kheo ấy đi đến Đế-thích chư thiên tên là Sakka, khi đến xong, liền hỏi Đế-thích chư thiên tên là Sakka: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Đế-thích chư Thiên tên là Sakka nói với Tỳ-kheo ấy: "Này Tỳ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỳ-kheo, có chư Thiên tên là Yāma (Dạ-ma) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn".

72. Này Kevaddha, Tỳ-kheo ấy đi đến chư Thiên tên là Yāma (Dạ-ma) xong, liền hỏi chư Thiên Dạ-ma: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư Thiên Yāma (Dạ-ma) nói với Tỳ-kheo. "Chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỳ-kheo, có Thiên tử tên là Suyāma ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn."

73. Này Kevaddha, Tỳ-kheo ấy đi đến Thiên tử Suyāma, sau khi đến liền hỏi Thiên tử Suyāma: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy Thiên tử Suyāma nói

71. 'Sakka, lord of the gods, said:

"The Yāma devas may know ... "

72. 'The Yāma devas said:

"Suyāma, son of the devas,<sup>238</sup> may know ... "

73. 'Suyāma said:

"The Tusita [218] devas may know..."

với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỷ-kheo, có Thiên tử tên là Tusita ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn."

74. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Tusita. Khi đến xong, liền hỏi chư Thiên Tusita: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nói vậy chư Thiên Tusita nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỷ-kheo, có Thiên tử tên là Santusita ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại ... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn".

75. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến Thiên tử Santusita. Khi đến xong, liền hỏi Thiên tử Santusita: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Thiên tử Santusita nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này vị Tỷ-kheo có chư Thiên tên là Nimmānarati (Hóa lạc thiên) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi

74. 'The Tusita devas said:

"Santusita, son of the devas, may know..."

75. 'Santusita said:

"The Nimmānarati devas may know..."

biến diệt hoàn toàn".

76. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Nimmānarati. Khi đến xong, liền hỏi chư Thiên Nimmānarati: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư Thiên Nimmānarati nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỷ-kheo có Thiên tử tên là Sunimmita ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn".

77. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến Thiên tử Sunimmita. Khi đến xong, liền hỏi Thiên tử Sunimmita. "Này Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Thiên tử Sunimmita nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỷ-kheo có chư thiên gọi là Paranimmita Vasavatti (Tha hóa tự tại thiên) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn".

78. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Paranimmita Vasavatti, khi đến xong, liền hỏi chư Thiên Paranimmita Vasavatti: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng

76. [219] 'The Nimmānarati devas said:

"Sunimmita, son of the devas, may know..."

77. 'Sunimitta said:

"The Paranimmita-Vasavatti devas may know..."

78. 'The Paranimmita-Vasavatti devas said:

này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy chư Thiên Paranimmita Vasavatti nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, tôi không được biết - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỷ-kheo có Thiên tử tên là Vasavatti ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn".

79. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến Thiên tử Vasavatti. Khi đến xong, liền hỏi Thiên tử Vasavatti: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Thiên tử Vasavatti nói với Tỷ-kheo ấy. "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỷ-kheo, có chư Thiên gọi là Brahmā Kayikā ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn".

80. Này Kevaddha, lúc bấy giờ, Tỷ-kheo ấy nhập định, và trong định tâm, con đường đưa đến Phạm thiên giới hiện ra.

Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đi đến chư Thiên Brahmā Kayikā:

"Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

"Vasavatti, son of the devas, may know..."

79. [220] 'Vasavatti said:

"The devas of Brahmā's retinue may know ... "

80. 'Then that monk, by the appropriate concentration, made the way to the Brahmā world appear before him.

He went to the devas of Brahmā's retinue and asked them.

Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư Thiên Brahmā Kayikā nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn.

Này Tỷ-kheo, có vị Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Vị này ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi.

Vị này có thể biết bốn đại chủng này địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn".

- Này Hiền giả, hiện nay Đại Phạm thiên ấy ở đâu?

- Này Tỷ-kheo, chúng tôi không biết Phạm thiên ở đâu, vì sao có Phạm thiên và Phạm thiên từ đâu đến. Nhưng này Tỷ-kheo, khi nào triệu tướng hiện, khi nào ánh sáng sanh, khi nào hào quang hiển, thời Phạm thiên xuất hiện.

Ánh sáng xanh, hào quang hiển là tướng Phạm thiên xuất hiện từ trước là như vậy.

81. Này Kevaddha, không bao lâu, Đại Phạm thiên xuất hiện. Lúc bấy giờ, này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đến Đại Phạm thiên. Khi đến xong, liền hỏi Phạm thiên: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

- Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Đại Phạm thiên nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh".

They said: "We don't know.

But there is Brahmā, Great Brahmā, the Conqueror, the Unconquered, the All-Seeing, All-Powerful, the Lord, the Maker and Creator, the Ruler, Appointer and Orderer, Father of All That Have Been and Shall Be.

He is loftier and wiser than we are. He would know where the four great elements cease without remainder."

"And where, friends, is this Great Brahmā now?"

"Monk, we do not know when, how and where Brahmā will appear. But when the signs are seen — when a light appears and a radiance shines forth — then Brahmā will appear.

Such signs are an indication that he will appear."

81. 'Then it was not long before the Great Brahmā [221] appeared. And that monk went up to him and said: "Friend, where do the four great elements — earth, water, fire, air — cease without remainder?"

to which the Great Brahmā replied: "Monk, I am Brahmā, Great Brahmā, the Conqueror, the Unconquered, the All-Seeing, All-Powerful, the Lord, the Maker and Creator, the Ruler, Appointer and Orderer, Father of All That Have Been and Shall Be."

82. Này Kevaddha, lần thứ hai Tỷ-kheo ấy nói với Phạm thiên: "Này Hiền giả, tôi không hỏi: "Ngài có phải là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh".

Này Hiền giả, tôi hỏi: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, lần thứ hai, Đại Phạm thiên ấy nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh".

83. Này Kevaddha, lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy nói với Phạm thiên: "Này Hiền giả, tôi không hỏi: "Ngài có phải là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh".

Này Hiền giả, tôi hỏi: "Này Hiền giả, bốn đại chủng ấy, - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Kevaddha, khi bấy giờ Đại Phạm thiên cầm tay Tỷ-kheo ấy, kéo ra một bên rồi nói với Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, chư Thiên Brahmā Kayikā xem rằng không có gì Phạm thiên không thấy, không có gì Phạm thiên không hiểu, không có gì Phạm thiên không chứng.

Do vậy, trước mặt chúng, ta không có trả lời: "Này Tỷ-kheo, ta không được biết bốn đại chủng ấy - địa đại... phong

82. 'A second time the monk said: "Friend, I did not ask if you are Brahmā, Great Brahmā ...

I asked you where the four great elements cease without remainder."

And a second time the Great Brahmā replied as before.

83. 'And a third time the monk said: "Friend, I did not ask you that,

I asked where the four great elements — earth, water, fire, air — cease without remainder."

Then, Kevaddha, the Great Brahmā took that monk by the arm, led him aside and [222] said: "Monk, these devas believe there is nothing Brahmā does not see, there is nothing he does not know, there is nothing he is unaware of.

That is why I did not speak in front of them. But, monk, I don't know where the four great elements cease without remainder.



đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn".

Do vậy, này Tỳ-kheo, Người đã làm sai, Người đã làm lẫn, khi Người bỏ qua Thế Tôn, hướng đến người khác để trả lời câu hỏi ấy.

Này Tỳ-kheo, Người hãy đi đến Thế Tôn hỏi câu hỏi ấy, và hãy thọ trì những gì Thế Tôn trả lời".

84. Này Kevaddha, Tỳ-kheo ấy, như nhà đại lực sĩ duỗi ra cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta.

Này Kevaddha, Tỳ-kheo ấy đành lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Kevaddha, Tỳ-kheo ấy nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, bốn đại chủng này, - địa đại... phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

85. Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Ta nói với Tỳ-kheo ấy: "Này Tỳ-kheo, thuở xưa các hải thương khi đi thuyền vượt biển thường đem theo con chim có thể thấy bờ.

Khi chiếc thuyền vượt biển quá xa không trông thấy bờ, các nhà hải thương liền thả con chim có thể thấy bờ. Con chim bay về phía Đông, bay về phía Nam, bay về phía Tây, bay về phía Bắc, bay lên Trên, bay về các hướng Trung gian.

Nếu con chim thấy bờ xung quanh, con chim liền bay đến bờ ấy. Nếu con chim không thấy bờ xung quanh, con chim bay trở về thuyền".

Cũng vậy, này Tỳ-kheo, Người đã tìm cho đến Phạm thiên giới mà không gặp được câu trả lời cho câu hỏi ấy, nên nay trở về với Ta.

Này Tỳ-kheo, câu hỏi không nên hỏi như sau: "Bạch Thế

And therefore, monk, you have acted wrongly, you have acted incorrectly by going beyond the Blessed Lord and going in search of an answer to this question elsewhere.

Now, monk, you just go to the Blessed Lord and put this question to him, and whatever answer he gives, accept it."

84. 'So that monk, as swiftly as a strong man might flex or unflex his arm, vanished from the Brahma world and appeared in my presence.

He prostrated himself before me, then sat down to one side and said: "Lord, where do the four great elements — the earth element, the water element, the fire element and the air element - cease without remainder?"

85. 'I replied: "Monk, once upon a time seafaring merchants, when they set sail on the ocean, took in their ship a land-sighting bird.

When they could not see the land themselves, they released this bird. The bird flew to the east, to the south, to the west, to the north, it flew to the zenith and to the intermediate points of the compass.

If it saw land anywhere, it flew there. But if it saw no land, it returned to the ship.

In the same way, monk, you have been [223] as far as the Brahma world searching for an answer to your question and not finding it, and now you come back to me.

But, monk, you should not ask your question in this way:

Tôn, bốn đại chủng ấy - địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại - đi đâu, sau khi biến diệt hoàn toàn?"

Này Tỷ-kheo, câu hỏi phải nói như sau:

"Chỗ nào mà địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, dài ngắn, tế, thô, tịnh, bất tịnh không có chân đứng?

Chỗ nào cả danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn?"

và đây là câu trả lời cho câu hỏi này:

"Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thảy xứ.

Ở đây, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng.

Ở đây, cũng vậy dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh.

Ở đây danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn.

Khi thức diệt, ở đây mọi thứ đều diệt tận".

Thế Tôn thuyết như vậy. Kevaddha, cư sĩ trẻ tuổi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

'Where do the four great elements — the earth element, the water element, the fire element, the air element — cease without remainder?'

Instead, this is how the question should have been put:

'Where do earth, water, fire and air no footing find? Where are long and short, small and great, fair and foul -

Where are "name-and-form" wholly destroyed?'<sup>239</sup>

And the answer is:

'Where consciousness is signless,<sup>240</sup> boundless, all-luminous,<sup>241</sup>

That's where earth, water, fire and air find no footing,

*There* both long and short, small and great, fair and foul -

There "name-and-form" are wholly destroyed.

With the cessation of consciousness this is all destroyed."<sup>242</sup>

Thus the Lord spoke, and the householder Kevaddha, delighted, rejoiced at his words.

### Notes

The numbers in square brackets [ ] in the actual text refer to the page number of the *Dīgha Nikāya* of the Pali Text Society's edition in Pali.

230. Or Kevatta ('Fisher') as several manuscripts have it. RD admits that 'it may turn out to be the better of the two.'

231. *Iddhi-pāṭihāriya*: 'miracle of *iddhi*' (see n.128).

232. *Ādesanā-pāṭihāriya*. This is actual telepathy, not the same as *manesika* 'mind-searching' or guessing another's thoughts mentioned in DN 1.1.14.

233. *Anusāsani-pāṭihāriya*. The Buddha's teaching can be called miraculous because it leads to the most wonderful results.

234. A charm for making oneself invisible.

235. Or *cintamani vijjā* (DA), the 'jewel of thought' charm which enabled one to know the thoughts of others. The sceptic, of course, does not have a really convincing way of explaining things away. Modern parallels suggest themselves.

236. Omitting DN 2.85 — 96, which deal with the powers disparagingly mentioned in verse 4ff.

237. For all these realms and their inhabitants (verses 68-81) see Introduction p. 38f.

238. *Devaputta* here denotes the ruler of a certain group of devas. In other contexts it simply means 'male deva'.

239. Mind and body, i.e. 'subject and object' (Neumann quoted by RD).

240. *Anidassanaṃ*: or 'invisible'. Nāṇananda (n.242) renders it 'non-manifesting'.

241. This word (*pabhaṃ* or *pahaṃ*) has been variously interpreted. DA takes it in the sense of a ford, or a place to enter the water 'accessible from all sides', by means of which one can reach Nibbana. There is an improbable suggestion that the meaning is 'rejecting', and Mrs Bennett translates the line: 'Where the consciousness that makes endless comparisons is entirely abandoned', which seems to involve a misunderstanding of *anidassanaṃ*. (But see next note). The same sequence also occurs at MN 49.11 rendered by I.B. Horner (MLS i, 392): 'Discriminative consciousness (= *viññāṇaṃ*) which cannot be characterised (= *anidassanaṃ*), which is unending, lucid in every respect (= *sabbato pabhaṃ*).' The two passages should be studied in conjunction. Cf. also AN 1.6: 'This mind (*citta*) is luminous, but is defiled by adventitious defilements.' See important discussion by Nāṇananda, 57-63.

242. G.C. Pande (*Studies in the Origins of Buddhism*, 92, n.21) says: 'Buddha says that the question should not be asked in the manner in which it is done in the prose quotation above, but thus — as in the metrical lines that follow. One may pertinently ask: "Why? what is wrong with the prose formulation?" The only answer would seem to be: "Nothing. But the verses have to be brought in!"

Nāṇananda (*Concept and Reality*, 59) explains it thus: 'The last line of the verse stresses the fact that the four great elements do not find a footing — and that 'Name-and-Form' (comprehending them) can be cut-off completely — in that '*anidassana-viññāṇa*' (the 'nonmanifestative

consciousness') of the Arahant, by the cessation of his normal consciousness which rests on the data of sense-experience. This is a corrective to that monk's notion that the four elements can *cease altogether* somewhere — a notion which has its roots in the popular conception of self-existing material elements. The Buddha's reformulation of the original question and this concluding line are meant to combat this wrong notion.'